Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2306.90.90

Mã HS	2306.90.90
Mô tả hàng hóa	Khô dầu và phế liệu rắn khác, đã hoặc chưa xay hoặc ở dạng viên, thu được từ quá trình chiết xuất chất béo hoặc dầu thực vật hoặc vi sinh vật, trừ các loại thuộc nhóm 23.04 hoặc 23.05 / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 01:54:13
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/23069090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2906
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2906
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2906
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2892
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2853
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2853
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2853
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2853
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2853
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2853
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2891
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2891

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2891
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2891
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2891
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2891
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2895
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2895
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2895
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2895
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2895
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2895
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2895
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2859
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2855
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2855
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2855
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2855
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2855
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2855
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2855
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2855
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2855
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2855
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2855
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2855
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2902
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2902

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2902
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2902
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2902
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2902
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2899
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2899
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2899
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2899
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2899
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2899
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2907
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2907
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2907
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2907
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2907
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2907
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2878
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2878
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2878
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2878
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2878
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2878
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2880
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2880
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2880
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2880

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2880
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2880
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2876
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2876
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2876
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2876
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2876
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2876
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2876
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2899
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2899
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2899
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2899
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2899
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2899
RCEP B	2022	2022	0	B!D2899
RCEP B	2023	2023	0	B!E2899
RCEP B	2024	2024	0	B!F2899
RCEP B	2025	2025	0	B!G2899
RCEP B	2026	2026	0	B!H2899
RCEP B	2027	2027	0	B!I2899
RCEP C	2022	2022	0	C!D2899
RCEP C	2023	2023	0	C!E2899
RCEP C	2024	2024	0	C!F2899
RCEP C	2025	2025	0	C!G2899
RCEP C	2026	2026	0	C!H2899

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2899
RCEP D	2022	2022	0	D!D2899
RCEP D	2023	2023	0	D!E2899
RCEP D	2024	2024	0	D!F2899
RCEP D	2025	2025	0	D!G2899
RCEP D	2026	2026	0	D!H2899
RCEP D	2027	2027	0	D!I2899
RCEP E	2022	2022	0	E!D2902
RCEP E	2023	2023	0	E!E2902
RCEP E	2024	2024	0	E!F2902
RCEP E	2025	2025	0	E!G2902
RCEP E	2026	2026	0	E!H2902
RCEP E	2027	2027	0	E!I2902
RCEP F	2022	2022	0	F!D2899
RCEP F	2023	2023	0	F!E2899
RCEP F	2024	2024	0	F!F2899
RCEP F	2025	2025	0	F!G2899
RCEP F	2026	2026	0	F!H2899
RCEP F	2027	2027	0	F!I2899
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2703
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2703
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2703
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2703

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2306.90 có 2 dòng thuế; dòng 2306.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2306.90.10 Từ mầm ngô	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2306.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2306.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2906), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.